

Chương 11 Khi đi khám bệnh, làm thế nào để trình bày với bác sĩ (第十一章 看病時如何向醫師說清楚)

Khi đi khám bệnh, cần nói cho bác sĩ biết những hạng mục dưới đây :

1. Miêu tả triệu chứng của bản thân : Bộ phận nào khó chịu, tình trạng khó chịu ra sao, thời gian xảy ra triệu chứng khó chịu, v.v...
2. Tiền sử bệnh tật : Bao gồm đã từng phẫu thuật, nằm viện, kết quả xét nghiệm y học, có bị tiểu đường, cao huyết áp, bệnh gan, bệnh thận, và các bệnh di truyền không.
3. Bạn có từng bị dị ứng hoặc có phản ứng khác thường đối với loại thuốc nào, hoặc có thói quen ăn uống đặc biệt nào không.
4. Loại thuốc hiện đang sử dụng : bao gồm thuốc điều trị bệnh mãn tính, thuốc đông y, vi-ta-min, thuốc tránh thai, thuốc giảm béo, thực phẩm chức năng, thực phẩm đặc biệt.
5. Trong vòng vài tuần gần đây, bạn có sử dụng các loại thuốc khác không : Vì có một số loại thuốc sau khi uống vào sẽ có tác dụng rất lâu, và sẽ ảnh hưởng đến loại thuốc mà hiện nay bạn cần sử dụng.
6. Bạn có các bệnh tật khác không : Vì có những loại bệnh tật sẽ ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc đối với cơ thể ; ví dụ như nếu chức năng gan không tốt thì sẽ kéo dài thời gian thuốc được bài tiết ra khỏi cơ thể hoặc sẽ làm tăng độc tính của thuốc.
7. Bạn có đang cho con bú không : Vì có một số thuốc sẽ tiết ra theo đường sữa mẹ.
8. Bạn có kế hoạch phẫu thuật hoặc điều trị gì khác không : Vì có một số loại thuốc sẽ ảnh hưởng đến sự đông máu hoặc ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm.

9. Sắp tới bạn có phải tham gia kỳ thi nào, hay phải thao tác máy móc hoặc lái xe không : Vì có một số loại thuốc sau khi uống vào sẽ khiến người bệnh buồn ngủ, làm giảm sức chú ý và khả năng phản ứng của người bệnh.
10. Bạn có thai hay không: Bởi vì có một số thuốc sẽ xâm nhập vào trong cơ thể thai nhi thông qua để cuống rốn.



Chương 12 Khi lĩnh thuốc, cần hỏi được sỹ những gì (第十二章 領藥時如何向藥師問明白)

Khi lĩnh thuốc, nếu bạn có bất cứ vấn đề gì chưa hiểu về cách sử dụng thuốc, thì phải hỏi rõ được sỹ, đồng thời cần xem kỹ hướng dẫn trên túi thuốc, và phải chú ý những điều sau :

- 1.Nhìn kỹ túi thuốc, xác nhận họ tên người bệnh.
- 2.Hỏi rõ tên thuốc và số lượng.
- 3.Hỏi rõ cách sử dụng thuốc, thời gian sử dụng và liều lượng.
- 4.Hỏi rõ chỉ định dùng thuốc.
- 5.Hỏi rõ cần dùng thuốc trong bao lâu.
- 6.Hỏi rõ những điều cần chú ý, tác dụng phụ hoặc lời cảnh báo sau khi sử dụng thuốc..
- 7.Nếu cần, đề nghị được sỹ tư vấn thêm về loại thuốc đó.
- 8.Xác nhận vỏ ngoài của thuốc có bị biến chất hay không, hạn sử dụng thuốc và phương pháp bảo quản.
- 9.Khi tự mua thuốc chỉ định hoặc thuốc pha chế sẵn, phải kiểm tra xem có hạn sử dụng và số hiệu giấy phép phê duyệt thuốc của Sở y tế trên bao bì hay không.

Được sỹ mong bạn hãy tự làm chủ nhân của cơ thể mình (藥師要你做身體的主人)

- 1.Không nghe người khác giới thiệu thuốc.
- 2.Không tin vào những loại thuốc có tác dụng trị liệu thần kì.
- 3.Không mua thuốc được bán trên vỉa hè, chợ đêm, trên mạng, trên xe khách.
- 4.Không uống thuốc do người khác mua tặng.
- 5.Không giới thiệu thuốc cho người khác.

Chương 13 Nhận biết túi thuốc (第十三章 認識藥袋)

Khi người bệnh đến lĩnh thuốc tại quầy, dược sỹ phát thuốc sẽ hướng dẫn và chỉ định người bệnh cách dùng thuốc. Nếu do thời gian gấp gáp dược sỹ không thể giải thích rõ ràng được, hoặc người bệnh quên mất nội dung giải thích, thì hãy đọc hướng dẫn sử dụng in trên bao(túi) đựng thuốc, để đảm bảo sử dụng thuốc an toàn. Có một số bệnh viện còn in cả thời gian biểu dùng thuốc ở trên túi thuốc, rất tiện lợi cho việc sử dụng thuốc đúng cách.

健康綜合醫院				領藥號碼 No.	
地址:雲林縣斗六市幸福街168號					
藥物諮詢電話:05-8543210-2130					
姓名: 金大風	生日: 1955/09/09	性別: 男	調劑日期: (Dispense Date)	2010/02/22	
病歷號碼: 123456	年齡: 54	體重: (Body Weight)	代號: 157		
科別: 胃腸科	醫師: 許來發	代號: 157	藥師: 張澤淳		
【藥名】 A.M.D tab--Al(OH) ₃ gel 334mg+MgO 42 PC					
77247#5 166mg+Dimethicone 36.7mg/tab					
商品名: A.M.D 愛姆得					
廠牌: 溫士頓					
【使用方法】 內服藥, 口服					
每天3次, 三餐飯後服用 每次1粒, 14天份					
【臨床用途】 1 緩解胃部不適或灼熱感 2 胃酸過多 3 消化不良 4 解除脹氣, 解除脹氣, 緩解氣脹相關症狀					
【注意事項】 請嚼碎後吞服					
【副作用】 便秘; 腹瀉; 噁心; 嘔吐					
【藥品外觀】 白/綠色·圓形·雙層錠, 一面有刻痕, 另一面有310.WINST ON字樣					
本品建議在 2010/03/29 前用完					
早上	中午	晚上	睡前	飯前	飯後
請詳閱背面注意事項, 如需注射請將藥交給注射室醫護人員。					
注意事項(敬告): 1. 請依姓名, 保留藥袋至藥品用完。 2. 請當面點清藥品種類及數量。 3. 請依照醫藥指示用藥, 切勿過量, 請以白開水配藥服用。 4. 藥品應置乾燥及小孩不易取得之處。 5. 請食或服用過量, 請立即與醫院聯絡。 6. 用藥後, 若有任何不適, 請儘快回診或電基普社醫師或藥師。			用藥指示: 飯前: 飯前1小時服用 飯後: 飯後1小時服用 睡前: 睡前半小時服用 4每天4次: 早上、中午、晚上及睡前服用 5每天3次: 早上、中午、晚上服用(使用) 6每天2次: 早上、晚上服用(使用)		

Có một số bệnh viện sử dụng tiếng Anh ghi trên túi thuốc để cung cấp các thông tin về cách sử dụng thuốc cho người nước ngoài được rõ.

Sổ tay sử dụng thuốc an toàn dành cho di dân mới

健康綜合醫院

地址：雲林縣斗六市幸福街168號
藥物諮詢電話：05-6543210-2130

領藥號碼 No. **10102**

姓名 (Name): 王友志	生日 (Date of Birth): 1976/05/10	性別 (Sex): M	調劑日期 (Dispense Dat): 2010/03/04
病歷號碼 (Chart No.): 123456	年齡 (Age): 33	體重 (Body Weight): 25502	藥師 (Pharmacist): 張淳淳
科別 (Department): 胃腸科	醫師 (Doctor): 許來發	代號 (Dr. Code): 25502	

(Drug Name) B4: Cimetidine 200mg/tab.
81598#1 Trade Name: Gastrodin
Manufacturer: 優良化學

(Usage) medicine · oral use 2-1
three times a day, after meals, 1 piece each time, , 7
day(s)

(Indication) 1 Gastric ulcer 2 "Duodenal ulcer, Gastric hypersecretion"

(Notice) Continue medication for full time of treatment.

(Appearance) pale yellow-green · round · Tablet · graved with UL and 024

早上

中午

晚上

睡前

飯前

飯後

請詳閱背面注意事項，如需注射請將藥交給注射室醫護人員。

<p>注意事項(或警語):</p> <ol style="list-style-type: none"> 請核對姓名，保留藥袋至藥品用完。 請當面點清藥品種類及數量。 請依照醫師指示用藥，切勿過量，請以白開水配藥服用。 藥品應置乾燥及小孩不易取得之處。 誤食或服用過量，請立即與醫院聯絡。 用藥後，若有任何不適，請盡快回診或電告告知醫師或藥師。 	<p>用藥指示:</p> <ol style="list-style-type: none"> 飯前：飯前1小時服用 飯後：飯後1小時服用 睡前：睡前半小時服用 每天4次：早上。中午。晚上及睡前服用 每天3次：早上。中午。晚上服用(使用) 每天2次：早上。晚上服用(使用)
---	---

Theo quy định của Bộ Y tế và Phúc lợi, trên túi thuốc phải được liệt kê rõ 16 hạng mục bắt buộc:

1. Họ tên người bệnh
2. Giới tính của người bệnh
3. Tên thuốc
4. Liều lượng thuốc
5. Số lượng thuốc
6. Cách dùng
7. Lượng dùng
8. Tên hiệu thuốc
9. Địa điểm pha chế thuốc
10. Số điện thoại hiệu thuốc pha chế
11. Tên nhân viên pha chế
12. Ngày tháng pha chế
13. Lời cảnh báo
14. Chỉ định chủ yếu
15. Tác dụng phụ chủ yếu
16. Các chỉ thị sử dụng thuốc khác

Chương 14 Ký hiệu trên túi thuốc và thuốc

(第十四章 看清藥袋標示與藥物標示)

Khi các cơ sở Y tế giao thuốc cho bệnh nhân cần ghi rõ họ tên giới tính bệnh nhân, tên thuốc, lượng dùng, số lượng, cách dùng, tác dụng hoặc các bệnh chủ trị, lời cảnh báo hoặc tác dụng phụ, tên cơ sở Y tế và địa chỉ, họ tên người điều phối thuốc và ngày điều phối thuốc trên dụng cụ đựng thuốc hoặc bao bì.

Nhìn rõ ký hiệu túi thuốc và tên thuốc (看清楚藥袋、藥品標示)

1. Ký hiệu thuốc rõ ràng có thể giúp cho bệnh nhân sử dụng thuốc chính xác, hiểu rõ tác dụng và giảm bớt tác dụng phụ của thuốc. Việc tìm các bác sỹ khác nhau để khám bệnh, có thể giúp cho bác sỹ kê đơn chính xác.
2. Đối chiếu tên thuốc, hàm lượng đơn vị thuốc, số lượng thuốc, cách sử dụng và lượng dùng trên túi đựng thuốc, đồng thời xem tên thuốc và số lượng trên ký hiệu túi thuốc có giống nhau không.
3. Sau khi lấy thuốc ra khỏi túi thuốc, cần để lại thuốc vào trong túi ban đầu. Chú ý cùng lúc lấy nhiều loại thuốc để đối chiếu sẽ có khả năng để nhầm thuốc vào túi thuốc và dẫn tới uống nhầm thuốc.
4. Khi phát hiện thấy thuốc khác với trước đây thì có khả năng bác sỹ đã thay đổi đơn thuốc hoặc nhà máy sản xuất thuốc đã thay đổi, nhưng cũng có thể do sai sót, vì thế cần hỏi rõ bác sỹ mới được tiếp tục dùng thuốc.
5. Cần phải biết vì sao dùng thuốc này, biết rõ tên thuốc, mục đích sử dụng, thành phần và hàm lượng. Sử dụng thuốc có

- hàm lượng không đúng có thể khiến thuốc mất tác dụng hoặc quá liều.
6. Cần biết khi nào sử dụng thuốc này hay chưa? Liều lượng (một lần dùng mấy viên), tần suất (bao lâu uống một lần), uống thuốc lúc nào, liệu trình bao lâu và cách uống.
 7. Không được nhìn bên ngoài thuốc rồi trực tiếp phán đoán cách dùng: thuốc dạng viên, viên nang cứng chưa chắc đã dùng để uống. Dung dịch thuốc đựng trong chai có thể chỉ dùng để nhỏ mắt, tiêm hoặc uống, nhất định phải xem rõ rồi mới được sử dụng.
 8. Biết rõ phản ứng sau khi dùng thuốc, hiệu quả, tác dụng phụ hoặc điều cần chú ý hay chưa?



Chương 15 Dược liệu bất hợp pháp (第十五章 不法藥物)

Dược liệu (藥物)

Dược liệu bao gồm thuốc và các thiết bị y tế :

1. Tất cả những việc liên quan tới sản xuất và nhập dược liệu đều cần phải xin kiểm tra đăng ký với Cơ quan Y tế cấp Trung ương, sau khi được cơ quan này phê duyệt và cấp phát giấy phép mới được sản xuất hoặc nhập khẩu, do đó trên những bao bì vỏ hộp thuốc hợp pháp nhất định có ghi số giấy phép.
2. Tất cả những dược liệu được phê duyệt sản xuất, nhập khẩu theo quy định cần phải ghi các mục sau trên nhãn hiệu, hướng dẫn sử dụng và bao bì: Tên nhà sản xuất và địa chỉ, tên thuốc và số giấy phép, phân cấp thuốc, ngày sản xuất và số lô sản xuất, hàm lượng thành phần chủ yếu, lượng dùng, cách dùng, bệnh chủ trị hoặc công dụng thuốc, tác dụng phụ, điều cấm kỵ và những điều chú ý khác, thời gian hiệu lực hoặc thời hạn bảo quản.
3. “Số ○○○○○○ sản xuất theo sở Y tế” và “Số ○○○○○○ sản xuất theo sở Y tế nội chính” thể hiện mã số giấy phép sản xuất mà sở Y tế phê duyệt .
4. “Số ○○○○○○ nhập theo sở Y tế” và “số ○○○○○○ nhập theo sở Y tế nội chính” thể hiện mã số giấy phép nhập khẩu do sở Y tế phê duyệt .
5. “Số ○○○○○○ sản xuất dược phẩm theo sở Y tế” và “ Số ○○○○○○ sản xuất dược phẩm theo sở Y tế nội chính ” thể hiện số giấy phép sản xuất dược phẩm trong nước do sở Y tế cấp phép.
6. “Số ○○○○○○ nhập khẩu thuốc theo sở Y tế” và “ Số ○○○○○○ nhập khẩu thuốc theo sở Y tế nội chính ” thể hiện số giấy phép nhập khẩu dược phẩm từ nước ngoài do sở Y tế cấp phép.8

7. “Số 〇〇〇〇〇 nhập khẩu dược phẩm từ Trung quốc theo sở Y tế” và “ Số nhập khẩu dược phẩm từ Trung quốc sở Y tế nội chính” thể hiện số giấy phép nhập khẩu dược phẩm từ Trung quốc do sở Y tế cấp phép.
8. “Số 〇〇〇〇〇 sản xuất vắc xin theo sở Y tế”, “Số 〇〇〇〇〇 sản xuất vắc xin theo sở Y tế nội chính”, “ số 〇〇〇〇〇 nhập khẩu vắc xin theo sở Y tế”, “Số 〇〇〇〇〇 nhập khẩu vắc xin theo sở Y tế nội chính” thể hiện số giấy phép điều chế sinh học dược sở Y tế cấp phép sản xuất trong nước hay nhập khẩu từ nước ngoài.
9. Số giấy phép thiết bị Y tế là “số 〇〇〇〇〇 chế tạo thiết bị y tế theo sở Y tế” “số 〇〇〇〇〇 nhập khẩu thiết bị y tế theo sở Y tế” “số 〇〇〇〇〇 nhập khẩu thiết bị Y tế từ Trung quốc theo sở Y tế”.
10. Từ ngày 31 tháng 5 năm 2013, sau khi Sở Y tế được nâng cấp thành Bộ Y tế và Phúc lợi, số giấy phép do Bộ này cấp sẽ có thêm hàng chữ: “Số 〇〇〇〇〇 sản xuất theo Bộ Y tế”, “Số 〇〇〇〇〇 nhập theo Bộ Y tế”, “Số 〇〇〇〇〇 sản xuất dược phẩm theo Bộ Y tế”, “Số 〇〇〇〇〇 nhập khẩu thuốc theo Bộ Y tế”, “Số 〇〇〇〇〇 nhập khẩu dược phẩm từ Trung quốc theo Bộ Y tế”, “Số 〇〇〇〇〇 sản xuất vắc xin theo Bộ Y tế”, “Số 〇〇〇〇〇 nhập khẩu vắc xin theo Bộ Y tế”, “số 〇〇〇〇〇 chế tạo thiết bị y tế theo Bộ Y tế”, “Số 〇〇〇〇〇 nhập khẩu thiết bị y tế theo Bộ Y tế” và “Số 〇〇〇〇〇 nhập khẩu thiết bị Y tế từ Trung quốc theo Bộ Y tế”.

Dược liệu bất hợp pháp (不法藥品)

Dược phẩm bất hợp pháp bao gồm :

1. Thuốc giả :

- (1) Loại dược sản xuất mà chưa được phê duyệt
- (2) Loại có tên gọi thành phần bao gồm không phù hợp với tiêu chuẩn

- (3)Loại đổi hoặc trộn với sản phẩm khác
 - (4)Loại sửa hoặc thay đổi thời gian sử dụng
- 2.Thuốc kém chất lượng :
- (1)Tự ý cho thêm các chất tạo màu, chất bảo quản, hương liệu, chất gia vị và chất phụ gia định hình phi pháp.
 - (2)Các thành phần có hiệu quả sử dụng như thành phần về chất, lượng hoặc cường độ không phù hợp với tiêu chuẩn.
 - (3)Một bộ phận hoặc toàn bộ thuốc có chứa vật nhiễm bẩn hoặc vật lạ.
 - (4)Có hiện tượng đổi màu rõ rệt, vẩn đục, bị lắng xuống đáy, chảy nước hoặc đã bị phân huỷ biến chất.
 - (5)Chức năng điều trị không phù hợp với tiêu chuẩn.
 - (6)Quá hạn sử dụng hoặc thời hạn bảo quản.
 - (7)Do lưu trữ quá lâu hoặc cách bảo quản không đúng bị biến chất.
 - (8)Sử dụng bao bì đóng gói đã qua sử dụng hoặc các bao bì được làm từ những vật chất có hại.
- 3.Thuốc cấm :
- (1)Các loại thuốc độc hại do cơ quan chủ quản Y tế Trung ương ra lệnh cấm chế tạo, pha chế, nhập vào, xuất ra, buôn bán hoặc trưng bày.
 - (2)Tự ý nhập khẩu các loại thuốc chưa được phê chuẩn. Nhưng thuốc được đem qua cửa khẩu do khách du lịch hoặc nhân viên phục vụ trên các phương tiện giao thông đem theo tự sử dụng thì không nằm trong giới hạn này.

Đường dây tố giác dược liệu bất hợp pháp: 0800-285000